| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 39/2019/DS-ST
Ngày: 29-3-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Bà Phạm Thị Mỹ Dung**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Năng
Bà Trần Thị Quế Minh

***-Thư ký phiên toà***: **Bà Phạm Thị Kim Sơn** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành*** th*am gia phiên tòa*: **Bà Lê Thị Tố Anh –** Kiểm sát viên

Ngày **29** tháng **3** năm **2019** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2018/TLST- DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Thành T ,** sinh năm: 1969 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 19, ấp Hòa L, TT A, huyện C, tỉnh An Giang.

-*Bị đơn*: Ông **Trần Văn M ,** sinh năm: 1963 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 21, ấp H, TT A, huyện C, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 14/5/2018 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:** Vào tháng 6 năm 2017 ông Trần Văn M có vay vốn với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) có làm biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ký ngày 11/6/2017. Sau đó một tháng ông M có trả được 50.000.000 đồng, số tiền còn lại là 100.000.000 đồng,

ông M hứa chỉ trong một thời gian ngắn thì sẽ hoàn trả đủ số tiền còn lại, nhưng ông M không giữ lời hứa và cũng không đóng lãi cho ông. Nay ông Nguyễn Thành T yêu cầu ông Trần Văn M phải có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 11/7/2017 cho đến ngày xét xử.

**Đối với bị đơn ông Trần Văn M:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông M vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của ông Mtại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì ông M có hộ khẩu thường trú tại tổ 21, ấp Hòa L, thị trấn A, huyện Cành, tỉnh An Giang, hiện tại vẫn còn địa phương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: **Về tố tụng**: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án**: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:**

[1]**Về thủ tục tố tụng**: Ông Trần Văn M là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Trần Văn M vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn M theo quy định pháp luật.

[2]**Về nội dung tranh chấp:**

2.1. Về nội dung vụ án: Mối quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Thành Tvà ông Trần Văn M trên thực tế là có xảy ra trên cơ sở tờ biên nhận mượn tiền đề ngày 11/6/2017. Trong quá trình vay nợ ông Mtrả được số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại là 100.000.000 đồng, ông M hứa chỉ trong một thời gian ngắn thì sẽ hoàn trả đủ số tiền còn lại nhưng sau đó không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Tại phiên tòa hôm nay, ông Tâm yêu cầu ông M phải trả một lần số tiền còn thiếu là 100.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/7/2017 cho đến ngày xét xử. Còn ông Trần Văn M trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm thì ông M không đến tòa tham gia hòa giải và cũng như không cung cấp chứng cứ cũng như văn bản để có ý kiến về việc khởi kiện của ông

T. Do đó ông M phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy, trong mối quan hệ vay tài sản ông Trần Văn M là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là nộp lãi đúng định kỳ và trả vốn khi đến hạn. Việc vi phạm này đã ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông T buộc ông M phải có nghĩa vụ trả nợ một lần số tiền 100.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

2]**Về lãi suất**: Do ông M vi phạm nghĩa vụ nên ông T yêu cầu ông M phải trả lãi suất khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc vắng mặt của ông M nên không thể xác định mức lãi suất cho vay mà các bên thỏa thuận nên Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 10%/năm tương đương 0.83%/tháng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để làm căn cứ để tính lãi suất trong vụ án.

- Thời gian tính lãi từ ngày 11/7/2017 đến ngày 29/3/2019 là 20 tháng 18 ngày

+ Vốn 100.000.000đ x lãi 0.83%/tháng x 20 tháng 18 ngày = 17.098.000 đồng

+ Vốn 100.000.000đ + lãi 17.098.000 đồng = 117.098.000 đồng

Như vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên buộc ông M phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông T số tiền 117.098.000đ (Một trăm mười bảy triệu không trăm chín mươi tám ngàn đồng) là hoàn toàn phù hợp.

*[3]Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.
- Ông Trần Văn M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 235, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T

Buộc ông Trần Văn Mphải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền **117.098.000đ** (Một trăm mười bảy triệu không trăm chín mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

**-Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Nguyễn Thành T được nhận lại 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003590 ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ông Trần Văn M phải chịu 5.854.000 (Năm triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**-Về kháng cáo:** Ông Nguyễn Thành T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/3/2019). Ông Trần Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mỹ Dung**